TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM THAO** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **114**/2023/QĐST-HNGĐ	*L, ngày 08 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 169/2023/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu 2, xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh N, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu 2, xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn D – Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Vân N- Cán bộ tín dụng

Địa chỉ: thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Mạnh N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung:

Khi ly hôn, chị T và anh N thống nhất thỏa thuận: anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu Hoàng D, sinh ngày 17/02/2006 và Nguyễn Hữu Q, sinh ngày 11/4/2010 cho đến khi con chung thành niên.

Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh N tự nguyện không yêu

cầu.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận theo Biên bản thỏa thuận phân chia tài sản chung, công nợ chung ngày 28/7/2023 giữa chị T, anh N và Ngân hàng C như sau:

Về tài sản chung: Chị T và anh N thống nhất xác định có tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 87, tờ bản đồ số 08, diện tích 181m^2 (trong đó có 60m^2 đất ở và 121m^2 đất vườn) tại khu 2, xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ, đất đã được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/12/2011 đứng tên hộ ông Nguyễn Mạnh N và bà Hoàng Thị T (số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00287), trên đất có 01 nhà cấp 4 cùng một số công trình phụ trợ và cây cối lâm lộc khác.

Về nợ chung: Chị T, anh N còn nợ Ngân hàng C tổng số tiền nợ gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) theo 02 khoản vay:

- Ngày 12/11/2019, vay theo chương trình hộ mới thoát nghèo là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 60 tháng, theo Sổ vay vốn có mã món vay: 6600000716526402

- Vay theo Chương trình giải quyết việc làm là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 48 tháng theo Hợp đồng tín dụng số 130201/2020/HĐ-TD ngày 11/5/2020.

Chị T, anh N và Ngân hàng C thống nhất như sau:

Về tài sản chung: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 87, tờ bản đồ số 08, diện tích 181m^2 tại khu 2, xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ, đã được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/12/2011 đứng tên hộ ông Nguyễn Mạnh N và bà Hoàng Thị T (số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00287) là tài sản riêng của một mình anh Nguyễn Mạnh N. Anh N được quyền sở hữu nhà cấp 4 cùng một số công trình phụ trợ và cây cối lâm lộc trên thửa đất số 87, tờ bản đồ số 08, diện tích 181m^2 tại khu 2, xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Về nghĩa vụ trả nợ: Anh Nguyễn Mạnh N có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và lãi phát sinh cho Ngân hàng C theo Sổ vay vốn có mã món vay: 6600000716526402 và Hợp đồng tín dụng số 130201/2020/HĐ-TD ngày 11/5/2020.

Anh Nguyễn Mạnh N có nghĩa vụ thanh toán cho chị Hoàng Thị T số tiền chênh lệch tài sản là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Thời hạn thanh toán: ngày 30 tháng 12 năm 2023.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về công sức đóng góp: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Mạnh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0002471 ngày 17/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao. Chị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 6.850.000 đồng (Sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- UBND xã B
(kết hôn ngày 13/12/2004);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đinh Thị Phương Thúy